**MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 CÔNG NGHỆ 8**

**1/ Khung ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Tuần 9*

**- Thời gian làm bài:** *45 phút*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận)*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao*

- Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm *(gồm 20 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 04 câu), mỗi câu 0,25 điểm*

- Phần tự luận: 5,0 điểm *(Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)*

- Nội dung kiến thức kiểm tra: hết tuần 8

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| Chủ đề 1: Bản vẽ các khối hình học |  | *2C*  *( 0,5 đ)* |  | *6C*  *( 1,5đ)* |  |  | *1C*  *( 1 đ)* |  | 1 | *6* | *3* |
| Chủ đề 2: Bản vẽ kỹ thuật |  | *2C*  *( 0,5 đ)* |  | *2C*  *( 0,5 đ)* | *1C*  *( 2 đ)* |  |  |  | 1 | 4 | **3** |
| Chủ đề 3: Gia công cơ khí | *1C*  *( 1 đ)* | *2C*  *( 0,5 đ)* |  | *2C*  *( 0,5 đ)* |  |  |  |  | 1 | 4 | **2** |
| Chủ đề 4: Chi tiết máy và lắp ghép | *1C*  *( 1 đ)* | *2C*  *( 0,5 đ)* |  | *2C*  *( 0,5 đ)* |  |  |  |  | 1 | 4 | **2** |
| **Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCĐ)** | **2** | 8 |  | 12 | **1** |  | **1** |  | **4** | 20 | **10,0** |
| **Điểm số** | **2,0** | 2,0 |  | 3,0 | **2,0** |  | **1,0** |  | **5,0** | 5,0 |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm**  **40%** | | **3,0 điểm**  **30%** | | **2,0 điểm**  **20%** | | **1,0 điểm**  **10%** | | **10 điểm**  100% | | **10 điểm** |

**2/ Bản đặc tả**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Chuẩn kiến thức kỹ năng** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| **TL**  **(Số ý)** | **TN**  **(Số câu)** | **TL**  **(Số ý)** | **TN**  **(Số câu)** |
| Chủ đề 1: Bản vẽ các khối hình học | | |  |  |  |  |
| Bài 1. Vai trò của bản vẽ kỹ thuật trong sản xuất và đời sống  Bài 2. Hình chiếu  Bài 4. Bản vẽ các khối đa diện  Bài 6. Bản vẽ các khối tròn xoay | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm về bản vẽ kĩ thuật, bản vẽ cơ khí và BV xây dựng  - Nêu được vai trò của BVKT trong sản xuất và đời sống.  - Nêu được thế nào là hình chiếu.  - Nêu được các loại phép chiếu cũng như đặc điểm của chúng và ứng dụng của các phép chiếu.  - Nêu được sự liên quan giữa các hướng chiếu và hình chiếu.  - Bố trí được các hình chiếu trên bản vẽ kĩ thuật.  - Nêu một số các tiêu chuẩn về trình bày bản vẽ kĩ thuật.  **-** Nêu được các khối đa diện thường gặp. |  | 2 |  | C1,C2 |
| **Thông hiểu** | - Nêu được các hình chiếu của vật thể trên bản vẽ kĩ thuật.  - Nêu được các đối tượng của một phép chiếu.  - Nêu được bản vẽ kĩ thuật của các khối đa diện thường gặp. |  | 6 |  | C3, C4, C5, C6, C7, C8 |
| **Vận dụng thấp** | - Bố trí đúng vị trí các hình chiếu trên BVKT  **-** Đọcđược bản vẽ vật thể có dạng các khối đa diện thường gặp. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | **-** Biểu diễn được bản vẽ của vật thể. | 1 |  | C24 |  |
| Chủ đề 2: Bản vẽ kỹ thuật | | |  |  |  |  |
| Bài. Khái niệm về hình cắt – Bản vẽ chi tiết  Bài 11. Biểu diễn ren  Bài 13. Bản vẽ lắp  Bài 15. Bản vẽ nhà | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm và công dụng của hình cắt.  - Nêu được nội dung bản vẽ chi tiết.  - Nêu cách đọc bản vẽ chi tiết đơn giản.  - Nêu được quy ước vẽ ren.  - Nêu được nội dung và công dụng của bản vẽ lắp.  - Nêu được nội dung và công dụng của bản vẽ nhà.  . |  | 2 |  | C9, C10 |
| **Thông hiểu** | - Từ quan sát mô hình và hình vẽ ống lót nêu được cách vẽ hình cắt và công dụng của hình cắt.  - Chỉ ra được ren trên bản vẽ chi tiết.  - Nêu được cách đọc bản vẽ lắp đơn giản.  - Nêu được một số kí hiệu bằng hình vẽ của một số bộ phận dùng trên bản vẽ nhà. |  | 2 |  | C11, C12 |
| **Vận dụng thấp** | - Đọc được bản vẽ nhà đơn giản | 1 |  | C23 |  |
| **Vận dụng cao** |  |  |  |  |  |
| Chủ đề 3: Gia công cơ khí | | |  |  |  |  |
| Bài 17. Vai trò của cơ khí trong sản xuất và đời sống  Bài 18. Vật liệu cơ khí  Bài 20. Dụng cụ cơ khí | **Nhận biết** | - Nêu được vai trò quan trọng của cơ khí trong sản xuất và đời sống.  - Nêu được sự đa dạng của cơ khí và quy trình tạo ra sản phẩm cơ khí  - Nêu được cách phân loại các vật liệu cơ khí phổ biến.  - Nêu được hình dạng, cấu tạo và vật liệu chế tạo các dụng cụ cơ khí cầm tay đơn giản. | 1 | 2 | C21 | C13, C14 |
| **Thông hiểu** | - Nêu được đặc điểm, phân loại và tính chất cơ bản của vật liệu kim loại, các sản phẩm gia dụng làm bằng các loại vật liệu kim loại.  - Nêu được công dụng và cách sử dụng các dụng cụ cơ khí phổ biến và rèn luyện kĩ năng sử dụng dụng cụ cơ khí. |  | 2 |  | C15, C16 |
| **Vận dụng thấp** | - |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** |  |  |  |  |  |
| Chủ đề 4: Chi tiết máy và lắp ghép | | |  |  |  |  |
| Bài 24. Khái niệm về chi tiết máy và lắp ghép.  Bài. Mối ghép cố định  Bài 27. Mối ghép động | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm và phân loại chi tiết máy  - Nêu được công dụng của từng kiểu lắp ghép.  - Nêu được được khái niệm mối ghép cố định.  - Nêu được cấu tạo, đặc điểm của mối ghép bằng đinh tán  - Nêu được cấu tạo, đặc điểm của mối ghép bằng ren.  **-** Nêu được một số mối ghép tháo được trên các bộ phận máy.  - Nêu được cấu tạo, đặc điểm một số mối ghép tháo được thường gặp.  - Nêu được khái niệm mối ghép động.  - Nêu được cấu tạo, đặc điểm của một số mối ghép động thường gặp: Khớp tịnh tiến, khớp quay. | 1 | 2 | C22 | C18, C20 |
| **Thông hiểu** | - Nêu ứng dụng của mối ghép bằng đinh tán  - Nêu ứng dụng của mối ghép bằng ren.  - Nêu ứng dụng một số mối ghép tháo được thường gặp.  - Nêu ứng dụng của một số mối ghép động thường gặp: Khớp tịnh tiến, khớp quay |  | 2 |  | C17, C19 |
| **Vận dụng thấp** |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** |  |  |  |  |  |